TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10 tháng 02 năm 2023
V/v "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trịnh Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch và bà Đào Thị Giang

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 1189/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1991;
- ***Bị đơn***: Anh Thái Nguyễn H, sinh năm 1975;

Cùng HKTT: Thôn T, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Hiện cùng trú tại: Cư xá Công ty cổ phần C Việt Nam, ấp T, xã H, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(*Các đương sự vắng mặt và có đơn xin vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Chị và anh Thái Nguyễn H tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An vào ngày 06/10/2020.

Nguyên nhân xin ly hôn: Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, không chăm lo kinh tế gia đìnhđi. Tính tình anh H nóng nảy, thường xuyên ghen tuông vô cớ, gây sự, chửi bới vợ con, thậm chí còn đánh đập chị. Mặt khác, anh H còn thường xuyên nhậu nhẹt, lúc say xỉn về

nhà chửi vợ con. Là một người chồng nhưng anh H không tin tưởng chị mà luôn luôn nghi ngờ chị, luôn nghi ngờ chị ngoại tình, lúc nào cũng theo dõi, nhắn tin, gọi điện, cài định vị, lắp camera khắp nhà để kiểm soát chị khiến chị không còn một chút tự do và cảm thấy tinh thần mệt mỏi, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống này thêm nữa. Hiện nay, chị xác định bản thân không còn tình cảm với anh H nên chị cương quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con là: Thái Nguyễn Đ, sinh ngày 16/9/2015. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tạm thời chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị đang làm tại Công ty cổ phần C Việt Nam, thu nhập bình quân từ khoảng 10.000.000 đồng. Cháu Đ hiện nay đang sống cùng chị, hàng ngày chị đưa đón cháu đi học. Chị đi làm vào giờ hành chính nên có thời gian đưa đón, chăm sóc cháu Đ.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Không có.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Thái Nguyễn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và con chung như chị Th trình bày là đúng.

Sau khi kết hôn thì anh và chị Th dọn về chung sống tại Cư xá Công ty cổ phần C Việt Nam, ấp T, xã H, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến tháng 11/2021, anh nghi ngờ chị Th có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, anh chỉ nghi ngờ chứ không có chứng cứ gì cung cấp cho Tòa án. Anh có hỏi và nói chuyện với chị Th nhưng chị Th im lặng, không nói gì cả. Hiện nay anh xác định bản thân vẫn còn tình cảm với chị Th, vẫn yêu thương vợ con, muốn chị Th cho anh một cơ hội để anh sửa chữa những khuyết điểm và vì con còn nhỏ, anh mong muốn gia đình đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trong trường hợp chị Th vẫn cương quyết ly hôn và Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Anh làm nghề thầu xây dựng, hiện đang làm công trình xây dựng tại thành phố Hồ Chí Minh, sáng đi làm chiều về, anh có thời gian chăm sóc con và thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 40.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Ngoài ra anh không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Th được ly hôn với anh H. Về con chung: Giao cho chị Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thái Nguyễn Đ, sinh ngày 16/9/2015, do chị Th không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng dân sự*****:** Chị Nguyễn Thị Th khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn là anh Thái Nguyễn H, cư trú tại: Ấp T, xã H, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[2] ***Về nội dung vụ án*****:**

2.1. Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Thái Nguyễn H là hợp pháp, vì kết hôn tự nguyện, được UBND có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

2.2. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Th thì thấy: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã mở phiên hòa giải, kêu gọi đoàn tụ nhưng không thành do chị Th không đồng ý đoàn tụ vì chị không còn tình cảm thương yêu anh H, anh H không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm thương yêu chị Th. Tuy nhiên trong suốt quá trình tố tụng, các đương sự đều thừa nhận hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn tôn trọng và tin tưởng nhau và đã sống ly thân, hiện tại vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Xét thấy mục đích của hôn nhân và gia đình là sự gắn kết bằng tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc, tôn trọng và tin tưởng nhau, anh H mong muốn đoàn tụ nhưng bế tắc và không thuyết phục được chị Th trở về đoàn tụ, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì đây là căn cứ để Tòa án cho ly hôn và cần chấp thuận cho chị Th được ly hôn với anh H.

2.3. Về con chung: Cả chị Th và anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Việc mong muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con là nguyện vọng chính đáng của các bên đương sự. Về điều kiện nuôi con của chị Th và anh H, hiện tại anh, chị đều có công việc và thu nhập ổn định, nên về điều kiện nuôi con anh chị đều có đủ điều kiện. Tuy nhiên xét thấy cháu Đ còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ, cháu cũng trình bày nguyện vọng muốn sống cùng mẹ, vì vậy xét quyền lợi về mọi mặt của con thì tại thời điểm hiện nay việc giao cháu Đ cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị Th không

yêu cầu anh H đóng góp tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về tài sản chung: Không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nợ chung: Các đương sự khai không có.

[3] ***Về án phí***: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều **119** Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Thái Nguyễn H.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu: Thái Nguyễn Đ, sinh ngày 16/9/2015.

Tạm thời chị Th không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của anh H. Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Th đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom theo biên lai thu số 0002049 ngày 22 tháng 11 năm 2022.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- UBND xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An (GCNKH số 41 ngày 06/10/2020);
- Chi cục T.H.A.DS huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Quyên